

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 181/2023/HNGĐ-ST

Ngày 04 - 8 - 2023

V/v ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lã Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Nhanh và ông Nguyễn Tiến Bộ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Quang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở TAND huyện Mỹ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/ 2022/ TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc kiện ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/ 2023/ QĐXX - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn D**, sinh năm 1975

Bị đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm 1979

Đều có HKTT: Xóm 13, thôn Đ, xã H, huyện M, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Duy Bình, Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Hải thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bùi Thị T, sinh năm 1962; ông Bùi Văn Hùng, sinh năm 1966; bà Bùi Thị H, sinh năm 1971; bà Bùi Thị A, sinh năm 1973

Đều có HKTT: Thôn Đ, xã H, huyện M, Thành phố Hà Nội.

- Bà Bùi Thị D, sinh năm 1968

HKTT: Thôn Y, xã H, huyện M, Thành phố Hà Nội

Anh D, ông B có mặt; chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; bà T, ông H, bà H, bà H, bà D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và những lời khai tại Tòa, nguyên đơn anh **Bùi Văn D** trình bày:

- Về hôn nhân: Anh D và chị Đinh Thị T tự nguyện kết hôn vào ngày 26/6/1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện M, Thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình Anh D, ở thôn Đ, xã H, huyện M, Thành phố Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, mỗi người có một quan điểm lối sống khác nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay không còn quan hệ gì. Nhận thấy tình cảm không còn, hạnh phúc không có, Anh D đề nghị được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Bùi Anh T, sinh ngày 20/8/2000; cháu Bùi Hải Y, sinh ngày 28/01/2004; cháu Bùi Huyền A, sinh ngày 25/6/2011. Ly hôn Anh D đồng ý để cho chị T được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Bùi Huyền A, Anh D xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị T. Đối với cháu Bùi Anh T, Bùi Hải Y, hiện nay đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết

- Về công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn, chị Đinh Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh **Bùi Văn D** tự nguyện kết hôn từ năm 1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ngay tại gia đình Anh D, ở thôn Đục Khê, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do Anh D nghiện ma túy, thường xuyên đánh đập vợ và các con, hơn nữa Anh D ngoại tình. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay không còn quan hệ gì. Nay Anh D xin ly hôn với chị, chị T đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Bùi Anh T, sinh ngày 20/8/2000; cháu Bùi Hải Y, sinh ngày 28/01/2004; cháu Bùi Huyền A, sinh ngày 25/6/2011. Ly hôn chị T xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Huyền A không yêu cầu Anh D phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung với chị T. Đối với cháu Bùi Anh T, cháu Bùi Hải Y, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết

- Về công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án:

- Anh **Bùi Văn D** đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng 02 căn nhà trị giá 500.000.000 đồng.

- Bà Bùi Thị T, ông Bùi Văn Hùng, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị A, bà Bùi Thị D có yêu cầu độc lập buộc anh **Bùi Văn D** trả lại thửa đất số 244a, tờ bản đồ 06, diện tích 490m² mang tên Đới Thị Vân.

Ngày 01/11/2022 và tại phiên tòa hôm nay anh **Bùi Văn D** đã rút yêu cầu chia tài sản chung.

Ngày 06/6/2023 bà Bùi Thị T, ông Bùi Văn Hùng, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị A, bà Bùi Thị D có đơn đề nghị rút toàn bộ yêu cầu độc lập buộc anh **Bùi Văn D** phải trả lại quyền sử dụng đất là di sản thừa kế thuộc thửa đất 244a, tờ bản đồ 06, diện tích 490m² đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A594288 mang tên bà Đới Thị Vân, ở xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên toà: Anh **Bùi Văn D** và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Duy Bình đề nghị Tòa án cho anh **Bùi Văn D** được ly hôn với chị Đinh Thị T; giao con chung là cháu Bùi Huyền A, sinh ngày 25/6/2011 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, Anh D xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị T. Đối với cháu Bùi Anh T, sinh ngày 20/8/2000; cháu Bùi Hải Y, sinh ngày 28/01/2004, hiện nay đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa giải quyết; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Mỹ Đức tham gia phiên toà phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **Bùi Văn D**, cho Anh D được ly hôn với chị Đinh Thị T. Giao cháu Bùi Huyền A, sinh ngày 25/6/2011 cho chị T được nuôi dưỡng, chăm sóc, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho Anh D đến khi chị T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; về tài sản chung, không đề nghị Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Mặc dù phía bị đơn chị Đinh Thị T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng chị T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Về hôn nhân: Anh **Bùi Văn D** và chị Đinh Thị T tự nguyện kết hôn ngày 26/6/1999, bằng việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội), đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống với nhau ngay tại gia đình Anh D. Quan hệ vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, mỗi người có một quan điểm lối sống khác nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, Anh D xin ly hôn với chị T, chị T đồng ý ly hôn. Xác minh tại chính quyền địa phương cũng xác nhận, mâu thuẫn giữa các bên là không thể hàn gắn và trên thực tế quan hệ hôn nhân đã thực sự chấm dứt từ năm 2021 cho đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh D và chị T đã thực sự trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng các quy định tại các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 của BLDS chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **Bùi Văn D** và xử cho Anh D được ly hôn với chị Đinh Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Bùi Anh T, sinh ngày 20/8/2000; cháu Bùi Hải Y, sinh ngày 28/01/2004; cháu Bùi Huyền A, sinh ngày 25/6/2011. Quá trình giải quyết vụ án, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Huyền A, Anh D đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Anh, hơn nữa cháu Anh cũng có nguyện vọng xin được ở với chị T. Xét sự tự nguyện của các bên là phù hợp và không trái với quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; HĐXX nhất trí giao cháu Bùi Huyền A cho chị T

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đối với cháu Bùi Anh T, cháu Bùi Hải Y, hiện nay đã trưởng thành nên HĐXX không xét.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do chị Đinh Thị T không yêu cầu Anh D phải cấp dưỡng nuôi con, Anh D đề nghị được tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con. Tòa chấp nhận và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Anh D đến khi chị T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Khi Tòa án thụ lý vụ án, anh **Bùi Văn D** có đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng 02 căn nhà trị giá 500.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án Anh D xin rút yêu cầu chia tài sản chung, chị Đinh Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét tài sản chung của vợ chồng để vợ chồng thỏa thuận với nhau, nên Tòa không xét.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị T, ông Bùi Văn Hùng, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị A, bà Bùi Thị D buộc anh **Bùi Văn D** trả lại thửa đất số 244a, tờ bản đồ 06, diện tích 490m² mang tên Đới Thị Vân. Ngày 06/6/2023 bà Bùi Thị T, ông Bùi Văn Hùng, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị A, bà Bùi Thị D có đơn đề nghị rút toàn bộ yêu cầu độc lập buộc anh **Bùi Văn D** phải trả lại quyền sử dụng đất là di sản thừa kế thuộc thửa đất 244a, tờ bản đồ 06, diện tích 490m² đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A594288 mang tên bà Đới Thị Vân, ở xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, nên Tòa không xét.

Về công nợ chung: Không có, nên Tòa không giải quyết.

Về án phí: Anh **Bùi Văn D** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 39 BLDS; Điều 147 Bộ luật TTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh **Bùi Văn D** được ly hôn chị Đinh Thị T.
2. Về con chung: Giao chị Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Huyền A, sinh ngày 25/6/2011. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu Anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh **Bùi Văn D** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào khoản tiền 12.300.000 đồng (*Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên thu tạm ứng án phí số AA/2020/0038888 ngày 25/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức. Anh **Bùi Văn D** được nhận lại 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố;
- VKSND Thành phố, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Hương Sơn;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lã Phi Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Thành phố;
- VKSND Thành phố, huyện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Hương Sơn;
- Lưu hồ sơ + VP.

Lã Phi Hùng